

CÔNG TY CỔ PHẦN
NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 57/CV.2013

TP HCM, ngày 27 tháng 08 năm 2013

V/v: Gửi lại Báo Cáo Kết quả kinh
doanh Quý II/2013 chưa kiểm toán

Kính gửi - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Tp. Hồ Chí Minh

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 50.526
	Già Ngày 27 tháng 8 năm 13

- ☐ Tên Tổ Chức niêm yết: Công Ty Cổ Phần Nhựa Tân Đại Hưng
- ☐ Mã Chứng Khoán: TPC
- ☐ Địa Chỉ trụ Sở chính: 414, Lầu 05, Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh Quận Tân Phú.

Công ty Cổ Phần Nhựa Tân Đại Hưng xin gửi lại đến các quý cơ qua bản chính.

- Báo cáo Kết quả Kinh Doanh quý II/2013.
- Lý do: ghi sai tại chỉ tiêu: số 17. lợi nhuận Năm trước -173.560.000đồng
Xin điều chỉnh số đúng là: 11.609.513.376đồng.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên
- HĐQT Công ty
- Lưu VP. TCKT



PHẠM ĐỖ DIỄM HƯƠNG

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HUNG
Địa chỉ : 414 Lầu 5, Lũy Bán Bích, Q. Tân Phú

Mẫu số B 02a-DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ QUÝ III NĂM 2013

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Đơn vị tính: đồng VN			
		Quý II năm 2012		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	162,435,117,964	144,833,253,490	342,312,667,695	273,668,409,899
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	(9,920,000)	1,205,160,512	-	1,378,720,512
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp d.vụ	10	162,445,037,964	143,628,092,978	342,312,667,695	272,289,689,387
4. Giá vốn hàng hóa	11	145,408,495,969	134,884,712,618	315,110,802,470	252,811,979,680
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	17,036,541,995	8,743,380,360	27,201,865,225	19,477,709,707
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	2,486,148,166	15,426,016,962	4,845,036,389	30,093,823,629
7. Chi phí tài chính	22	3,118,196,916	3,754,895,735	4,016,939,655	11,450,241,141
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23	664,086,016	6,644,396,588	1,552,618,754	10,151,871,164
8. Chi phí bán hàng	24	4,360,745,750	3,942,349,826	7,779,030,371	7,368,504,474
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	3,942,949,561	4,084,772,022	7,952,391,698	7,576,714,342
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	8,100,797,934	12,387,379,739	12,298,539,890	23,176,073,379
11. Thu nhập khác	31	2,627,390,786	518,605,814	4,896,172,115	1,007,786,939
12. Chi phí khác	32	1,827,992,649	347,797,478	3,915,008,416	347,826,892
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	799,398,137	170,808,336	981,163,699	659,960,047
14. Lợi nhuận hoặc lỗ từ Cty Liên doanh liên kết	45			-	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	8,900,196,071	12,558,188,075	13,279,703,589	23,836,033,426
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1,533,090,927	948,674,699	2,506,401,846	674,306,522
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	7,367,105,144	11,609,513,376	10,773,301,743	23,161,726,904

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thanh Loan

M.S.D.N. 0302740102-C.T.C
CÔNG TY
Ngày 13 tháng 08 năm 2013
NHỰA
TÂN ĐẠI HUNG
Q. TÂN PHÚ TP. HỒ CHÍ MINH
Tổng giám đốc
Phạm Lê Liêm Hương